

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương”

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý kho vật chứng; Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ; Thông tư số 01/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2017 về quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 3056/QĐ-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương thuộc Bộ Tư pháp.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1112/QĐ-BTP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công TT điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục KHTC.



Lê Thành Long

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ KHO VẬT CHỨNG CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Các chủ đầu tư trong hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng, giao nhiệm vụ thiết kế phải tuân thủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy chế quản lý kho vật chứng; tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; mô hình công sở mẫu của các cơ quan hành chính nhà nước và các định mức, yêu cầu cụ thể về trụ sở làm việc, kho vật chứng của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương được quy định tại Quyết định này.

Định mức, yêu cầu cụ thể về trụ sở làm việc, kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt trước khi lập Dự án đầu tư và không thuộc đối tượng, phạm vi áp dụng của Quy định này.

Quy định này áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng trụ sở và kho vật chứng được xây dựng từ năm 2020.

Điều 2. Quy mô diện tích đất

1. Diện tích đất để xây dựng trụ sở làm việc và kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) từ 3.000 - 5.000m².

2. Diện tích đất để xây dựng trụ sở làm việc và kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) từ 1.500 - 2.500m².

3. Trong trường hợp địa phương cấp đất để xây dựng trụ sở và kho vật chứng không phù hợp với yêu cầu tại khoản 1, 2 Điều này thì chủ đầu tư, đơn vị quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm báo cáo Bộ Tư pháp để xem xét về quy mô và quy hoạch tổng thể trước khi lập Dự án đầu tư.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức thiết kế

1. Tiêu chuẩn, định mức thiết kế trụ sở

Khi thiết kế trụ sở làm việc phải đảm bảo các bộ phận diện tích sau:



a) Diện tích làm việc của các chức danh

- Diện tích làm việc của các chức danh tại đơn vị là diện tích sử dụng được xác định cho một chỗ làm việc. Một người giữ nhiều chức danh thì áp dụng theo diện tích của chức danh có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao nhất.

- Tổng diện tích làm việc của các chức danh được xác định trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo định hướng biên chế, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định.

- Định mức diện tích làm việc của các chức danh xác định theo Phụ lục số 1 của Quy định này.

b) Diện tích sử dụng chung:

- Diện tích sử dụng chung là diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung của đơn vị xác định theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, bao gồm: Sảnh chính, sảnh phụ, hành lang, ban công, khu vệ sinh, kho tạp vụ, phòng thường trực, lái xe;

- Định mức diện tích làm việc chung xác định theo Phụ lục số 2 của Quy định này.

c) Diện tích chuyên dùng:

- Bao gồm: Phòng tiếp dân và hành chính một cửa; phòng tiếp đương sự; phòng giải quyết khiếu nại tố cáo; phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin; phòng thường trực Ban chỉ đạo công tác thi hành án; kho lưu trữ hồ sơ thi hành án; hội trường trực tuyến trên 100 chỗ (đối với cấp Cục);

- Định mức diện tích chuyên dùng xác định theo Phụ lục số 3 của Quy định này.

d) Các diện tích khác:

- Bao gồm: Cầu thang, nhà để xe 02 bánh, nhà để xe ô tô và diện tích chiếm chỗ của kết cấu tường, cột và hộp kỹ thuật

- Định mức diện tích khác xác định theo Phụ lục số 4 của Quy định này.

Diện tích quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này là diện tích tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật

2. Tiêu chuẩn, định mức thiết kế kho vật chứng, lán thép

a) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh căn cứ vào số lượng và đặc điểm tang vật chứng đã thu giữ trung bình 05 năm gần nhất để đề xuất lựa chọn quy mô kho vật chứng cho các đơn vị thuộc quyền quản lý. Quy mô xây dựng

kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương được chia làm 03 mức: lớn, vừa và nhỏ ở cả 02 cấp Cục và Chi cục;

Định mức diện tích xây dựng kho vật chứng, sân bãi xác định theo Phụ lục số 5 của Quy định này.

b) Trường hợp khi xác định quy mô thiết kế kho có những sự sai khác đột biến (thực tế quá lớn hoặc quá nhỏ so với tiêu chuẩn định mức quy định tại điểm a khoản này), Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên đồng thời báo cáo Bộ để xem xét, quyết định quy mô và phương án kiến trúc trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

Điều 4. Về phương án thiết kế

1. Về tổ chức mặt bằng, dây chuyền công năng sử dụng:

a) Việc Quy hoạch tổng mặt bằng phải tuân thủ các quy định chung về quy hoạch xây dựng của địa phương. Đối với các trụ sở nằm trong quy hoạch khu đô thị phải bố cục không gian kiến trúc hiện đại, mật độ xây dựng hợp lý, phải tạo được sự hài hoà với cảnh quan kiến trúc khu vực và đóng góp vào bộ mặt cảnh quan, kiến trúc của đô thị.

b) Tổng mặt bằng công trình cần nghiên cứu thiết kế bố trí đầy đủ các hạng mục, công trình hoàn chỉnh, đồng bộ để đảm bảo nhu cầu sử dụng lâu dài và có định hướng phát triển trong tương lai. Các hạng mục, công trình chính bao gồm: Nhà làm việc, kho vật chứng (trừ trường hợp đơn vị đã được xây chung cụm kho với đơn vị khác); công, hàng rào, nhà xe, nhà bảo vệ, sân đường nội bộ, sân bãi tập kết vật chứng (nếu được xây kho), hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước tổng mặt bằng và cây xanh; hệ thống phòng chống mối theo tiêu chuẩn hiện hành. Trong khuôn viên cần bố trí sân, đường nội bộ, nơi để xe, vườn hoa cây xanh hợp lý, tạo điều kiện để công trình tiếp cận với môi trường tự nhiên và đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy. Công trình cần được bố trí có khoảng lùi hợp lý so với chỉ giới xây dựng. Số tầng xây dựng tùy thuộc vào quy mô đầu tư xây dựng, thông số quy hoạch chi tiết của từng địa phương và diện tích đất được cấp.

c) Tổ chức mặt bằng dây chuyền công năng sử dụng của nhà làm việc phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của cơ quan Thi hành án dân sự:

c1) Nơi tiếp công dân, nơi tiếp đương sự phải thể hiện được tính uy nghiêm, minh bạch của cơ quan công quyền. Nơi giải quyết khiếu nại tố cáo cần thiết kế thêm cửa sau để đảm bảo an toàn cho chấp hành viên khi có xung đột; bố trí lối tiếp cận cho người tàn tật tới cơ quan làm việc theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

c2) Các phòng làm việc nên thiết kế phòng lớn để thuận tiện cho việc quản lý cán bộ và trao đổi chuyên môn, đồng thời tiết kiệm cho việc bố trí điều hòa (trừ các phòng làm việc Lãnh đạo Cục và Lãnh đạo Chi cục). Phần thiết bị chỉ

trang bị các thiết bị gắn với phần xây dựng. Phần trang thiết bị phục vụ làm việc của công chức được mua sắm theo định mức từ nguồn kinh phí hành chính;

c3) Hội trường, Phòng thường trực Ban chỉ đạo công tác thi hành án, nơi tập trung đông người cần chú ý giải pháp thoát hiểm và bố trí sảnh giải lao cho hợp lý;

c4) Kho lưu trữ hồ sơ Thi hành án cần phải phân thành khu vực theo thời gian để tiện quản lý, tra cứu và bảo quản;

c5) Các phòng sử dụng chung bao gồm: Phòng tiếp dân và hành chính một cửa, phòng tiếp đưng sự, phòng giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin, phòng Thường trực Ban chỉ đạo công tác thi hành án, kho lưu trữ hồ sơ thi hành án, hội trường, được trang bị đồ gỗ (bàn ghế, tủ đựng, giá đựng hồ sơ, tài liệu), thiết bị (hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt gắn tường hoặc trần, điều hòa nhiệt độ) phù hợp với công năng sử dụng của từng phòng. Đối với hội trường và phòng thường trực Ban Chỉ đạo công tác thi hành án được trang bị thêm bục sân khấu và tượng Bác.

d) Tổ chức mặt bằng dây chuyền công năng sử dụng của kho vật chứng phải được nghiên cứu, tính toán và thiết kế nhằm đảm bảo:

d1) Đầy đủ các chức năng: Phòng làm việc của cán bộ quản lý kho, lưu trữ thẻ kho; Phòng bảo quản vật chứng đặc biệt; Khu vực bảo quản vật chứng thông thường có kích thước vừa và nhỏ; Kho hở để các vật chứng có kích thước lớn, cồng kềnh. Số tầng kho vật chứng xây dựng cần được tính toán phù hợp với quy mô diện tích sàn theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2 Điều 3 nói trên, quy hoạch chi tiết của địa phương và diện tích đất được cấp. Đối với khu vực bảo quản vật chứng kích thước lớn cần đủ chiều cao phù hợp đảm bảo điều kiện lưu trữ vật chứng.

d2) Khi thiết kế kho vật chứng từ 02 tầng trở lên phải được thiết kế thang nâng với kích thước và tải trọng nâng phù hợp.

d3) Diện tích mặt bằng từng loại chức năng đã nêu tại điểm d1 nói trên cần được nghiên cứu tính toán trên cơ sở quan sát, thống kê số lượng, kích thước, tính chất đặc thù của vật chứng đã thu giữ trong những năm qua và dự báo trong những năm tới.

d4) Phương án thiết kế phải phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành. Nhà kho đảm bảo an toàn trong lưu giữ, an toàn phòng chống cháy nổ; đảm bảo chiếu sáng, thông gió, độ ẩm, vệ sinh môi trường. Trong đó, đặc biệt lưu ý phòng bảo quản vật chứng đặc biệt phải được thiết kế đảm bảo an toàn tuyệt đối. Nếu xây dựng kho vật chứng theo cụm thì phương án thiết kế phải quy định rõ ràng, rành mạch phạm vi, ranh giới kho của từng đơn vị tiện cho quá trình bảo quản và quản lý. Hệ thống đường giao

thông nội bộ khu vực nhà kho phải được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn cho vận chuyển vật chứng và chữa cháy.

e) Trong điều kiện địa phương không bố trí quỹ đất để xây dựng kho vật chứng riêng biệt, phải xây dựng kho vật chứng với trụ sở làm việc hoặc xây dựng kho vật chứng trong khuôn viên trụ sở, Chủ đầu tư và cơ quan tư vấn thiết kế cần nghiên cứu kỹ các đặc điểm cơ bản của vật chứng đã và đang thu giữ để bố trí khu vực kho cho phù hợp không làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc của cán bộ, công chức và mỹ quan của trụ sở. Có thể bố trí kết hợp kho bảo quản vật chứng tại tầng 1 trụ sở cơ quan đảm bảo mục tiêu tăng độ an toàn và lưu giữ vật chứng lâu dài.

2. Về kiến trúc công trình:

a) Tổng thể kiến trúc phải có bố cục mặt bằng, mặt đứng tuân thủ quy hoạch địa phương, cân đối hợp lý với công năng sử dụng; đường nét kiến trúc theo hướng hiện đại, trang nghiêm, rộng mở và khoẻ khoắn, kiến trúc mặt tiền phải đảm bảo tính thống nhất, tạo ấn tượng thẩm mỹ tốt, không thiết kế rườm rà; màu sắc công trình phù hợp với tính chất của công sở; đảm bảo phù hợp với điều kiện vật liệu và giá thành xây lắp ở Việt Nam hiện nay;

b) Khuyến khích trụ sở các cơ quan Thi hành án dân sự được thiết kế theo phong cách kiến trúc hiện đại, phù hợp với xu thế hội nhập, vừa thể hiện tính công quyền của công sở nhà nước vừa tạo được sự gần gũi, thân thiện với môi trường và người dân.

3. Về kết cấu chịu lực chính:

Kết cấu chịu lực chính nên sử dụng khung bê tông cốt thép chịu lực đảm bảo đáp ứng các diện tích rộng để bố trí các phòng làm việc, phòng họp, hội trường. Đối với các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà xe, tường rào bảo vệ, tùy thuộc vào đặc điểm địa chất của công trình, vật tư, vật liệu của địa phương có thể linh hoạt trong việc lựa chọn kết cấu chịu lực chính (bê tông cốt thép, tường gạch hoặc khung thép chịu lực). Đối với Nhà kho hở khuyến khích thiết kế khung kết cấu thép để vượt nhịp lớn, phù hợp với không gian bảo quản vật chứng kích thước lớn, công kênh.

Đối với các công trình xây dựng trên khu vực địa hình địa chất phức tạp (địa hình đồi núi phức tạp hoặc nền đất yếu như đồng bằng sông Cửu Long), lưu ý các biện pháp xử lý kè chắn, xử lý nền đất yếu nhằm tăng độ an toàn công trình trong quá trình sử dụng.

4. Về quy cách bản vẽ thiết kế:

a) Quy cách các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế phải tuân thủ tuyệt đối các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của pháp luật hiện hành.

b) Bản vẽ thiết kế thi công phải đầy đủ chi tiết, đủ thông số kỹ thuật để làm cơ sở cho việc lập dự toán thi công xây dựng, kiểm tra, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình. Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng; khung tên từng bản vẽ phải có đầy đủ chữ ký theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế phải đóng thành từng tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

Điều 5. Về sử dụng vật tư, vật liệu đưa vào công trình

Vật liệu đưa vào sử dụng cho công trình yêu cầu phải đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (khuyến khích dùng sản phẩm đảm bảo chất lượng, sản xuất trong nước), do các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có uy tín trên thị trường cung cấp và bảo hành theo quy định, có giá cả hợp lý và phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được chỉ ra trong hồ sơ thiết kế được duyệt. Vật liệu gạch xây cần tuân thủ các quy định tại Thông tư 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng quy định về sử dụng gạch không nung trong các công trình xây dựng. Ngoài ra, đối với vật liệu hoàn thiện, yêu cầu phải có màu sắc và kiểu dáng phù hợp với tính chất công sở. Yêu cầu cụ thể đối với một số vật liệu hoàn thiện chính như sau:

1. Vật liệu sơn, bả

Mặt ngoài công trình chính yêu cầu dùng sơn chống thấm, chống rêu mốc, trong trường hợp cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ kiến trúc, có thể ốp đá trên một số chi tiết kiến trúc. Mặt trong công trình có thể dùng sơn nước bán bóng để nâng cao tính thẩm mỹ và tránh bắt bụi.

2. Vật liệu gạch, đá ốp lát

Gạch lát dùng gạch gốm (Ceramic) hoặc gạch Granite nhân tạo, có màu sắc và có kích thước thích hợp. Cầu thang, tam cấp, sảnh chính có thể lát đá Granit tự nhiên.

3. Vật liệu cửa đi, cửa sổ

Khuôn cửa, đồ cửa và kính cần phải thiết kế đủ độ dày để đảm bảo khả năng chịu lực và phải được quy định rõ trong hồ sơ thiết kế.

Có thể sử dụng hệ cửa đi, cửa sổ kính khung nhôm, nhựa lõi thép đảm bảo chất lượng; hoặc dùng cửa Panô kính khung gỗ, có khuôn, gỗ tự nhiên hoặc gỗ công nghiệp (có độ bền chịu lực tương đương gỗ nhóm III). Đối với các cửa tiếp xúc trực tiếp với môi trường bên ngoài nhà, tại các địa phương vùng ven biển, có thể dùng khung tăng cường khả năng chịu lực, kính an toàn.

4. Vật liệu lợp mái chống nóng

Sử dụng vật liệu ngói hoặc tôn có màu sắc và độ dày thích hợp chống nóng và chống thấm. Riêng đối với các địa phương vùng ven biển, hải đảo nên sử dụng biện pháp dán ngói trên mái nghiêng bê tông.

5. Vật tư điện, nước

Hệ thống dây điện, cáp điện, bóng điện, ổ cắm, công tắc, ắc quy, aptomat, tủ điện phải đảm bảo công suất truyền tải; hệ thống đường ống cấp nước, thoát nước, côn, tê, cút phải đảm bảo chiều dày tiêu chuẩn, đảm bảo sức chịu áp lực nước; bồn chứa nước, thiết bị vệ sinh phải đủ dung tích chứa, đủ độ bền để đáp ứng được tần suất sử dụng cao của công trình công cộng. Chất lượng vật tư phải đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, khuyến khích dùng sản phẩm đảm bảo chất lượng trong nước, các thông số kỹ thuật phải được quy định rõ trong hồ sơ thiết kế.

Điều 6. Về thiết bị lắp đặt cho công trình

Thiết bị lắp đặt trong công trình phải được dự kiến, tính toán từ khi lập Dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình để đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với mặt bằng dây chuyền công năng sử dụng. Trong đó:

1. Máy điều hòa nhiệt độ

a) Đối với những địa phương luôn chịu ảnh hưởng của thời tiết nóng các phòng làm việc và phòng họp lớn được sử dụng máy điều hòa một chiều lạnh, loại treo tường cho phù hợp với khối tích của phòng và đảm bảo mỹ quan cho công trình;

b) Đối với một số địa phương thuộc vùng, miền núi cao, về mùa đông có thời tiết quá lạnh như: Một số huyện của tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn cần lắp đặt loại điều hòa 2 chiều cho phù hợp.

2. Thang máy

a) Chỉ sử dụng cho các trụ sở có chiều cao từ 6 tầng trở lên theo quy định. Tải trọng nâng và số điểm dừng phải được thiết kế tính toán cho phù hợp;

b) Chất lượng: Thang máy sử dụng hãng sản xuất bảo đảm chất lượng và có uy tín trên thị trường hiện nay để đảm bảo quá trình sử dụng được lâu dài được quy định rõ trong hồ sơ thiết kế.

3. Trang thiết bị làm việc:

Trang thiết bị làm việc (bao gồm cả hệ thống trang thiết bị âm thanh hội trường) phải được thiết kế sơ bộ, khái toán ngay từ giai đoạn lập dự án.

Bàn, ghế phòng họp, hội trường, bàn ghế tiếp khách, tiếp đương sự, tủ đựng tài liệu hồ sơ phải đảm bảo chất lượng, màu sắc và kiểu dáng phù hợp với

cơ quan công sở. Vật liệu dùng để sản xuất phải đảm bảo chất lượng (tương đương gỗ nhóm II trở lên) để sử dụng lâu dài.

4. Phần giá, kệ, tủ sắt của cụm kho vật chứng

Hệ thống giá, kệ, tủ sắt.....phải được tính toán và thiết kế đảm bảo khả năng bảo quản và lưu trữ vật chứng một cách linh hoạt và hiệu quả nhất. Vật liệu dùng để sản xuất phải đảm bảo chất lượng để sử dụng lâu dài (gỗ tương đương gỗ nhóm III, sắt sơn mạ tĩnh điện).

5. Hệ thống thông tin, liên lạc, chống sét, và phòng cháy chữa cháy

Các đường mạng Internet, mạng điện thoại, hệ thống chống sét, phòng cháy chữa cháy phải được tính toán, lắp đặt sẵn để đảm bảo đồng bộ trong quá trình đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

6. Thiết bị đặc thù

Đối với các thiết bị đặc thù như: Thiết bị phòng cháy chữa cháy đối với các công trình đòi hỏi phải có hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, thiết bị của hội trường giao ban trực tuyến phải do các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thiết kế và được thẩm tra theo quy định, đảm bảo các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư; các đơn vị quản lý, sử dụng công trình và các đơn vị khác có liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định nói trên và các quy định hiện hành khác của pháp luật có liên quan.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản và các định mức, yêu cầu cụ thể về trụ sở làm việc, kho vật chứng của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương được quy định tại Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản về Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) và Tổng cục Thi hành án dân sự để xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời./..


Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 1: Định mức tiêu chuẩn diện tích làm việc theo chức danh
(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, II	Thành phố thuộc tỉnh, huyện, thị xã và các quận còn lại	Ghi chú
1	Cấp trưởng	m ² /người	25	15	12	
2	Cấp phó	m ² /người	15	12	12	
3	Chuyên viên chính và các chức danh tương đương	m ² /người	12	12	12	
4	Chuyên viên và các chức danh tương đương	m ² /người	10	10	10	
5	Cán sự, nhân viên và các cá nhân ký hợp đồng không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp	m ² /người	7	7	7	



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 2: Định mức tiêu chuẩn diện tích sử dụng chung
(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
<i>Diện tích các bộ phận công cộng và kỹ thuật, phụ trợ, phục vụ xác định theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, trong đó</i>					
1	Phòng truyền thống và các tổ chức đoàn thể	m2	tối đa 30	tối đa 20	
2	Kho tạp vụ (thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm...)	m2	tối đa 20	tối đa 15	
3	Sảnh chính, sảnh phụ, hành lang, khu vệ sinh,....	m2	Diện tích còn lại sau khi trừ đi diện tích các phòng truyền thống, kho tạp vụ		

Y. Luat



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

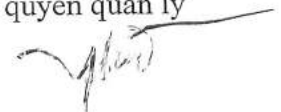
Phụ lục số 3: Định mức tiêu chuẩn diện tích chuyên dùng
(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp Cục			Cấp Chi cục		
			Các Cục có số lượng vụ việc từ 10.000 vụ/năm trở lên (*)	Các Cục có số lượng vụ việc từ 5.000 đến dưới 10.000 vụ/năm (*)	Các Cục còn lại có số lượng vụ việc dưới 5.000 vụ/năm (*)	Các Chi cục có số lượng vụ việc từ 1.000 vụ/năm trở lên	Các Chi cục có số lượng vụ việc từ 500 đến dưới 1.000 vụ/năm	Các Chi cục có số lượng vụ việc dưới 500 vụ việc/năm
1	Phòng hành chính một cửa	m2	60	40	30	30	30	20
2	Phòng tiếp đưong sự	m2	60	40	30	30	30	20
3	Phòng giải quyết khiếu nại, tố cáo	m2	30	30	20	30	30	20
4	Phòng thường trực Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự	m2	Kết hợp với Hội trường trên 100 chỗ hoặc diện tích dùng chung khác			40	40	30
5	Kho lưu trữ hồ sơ Thi hành án	m2	150	120	100	90	80	70
6	Phòng kỹ thuật, quản trị hệ thống CNTT, Camera	m2	30	30	30	20	20	20

Hội trường trên 100 chỗ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp Cục			Cấp Chi cục
			Các Cục có số lượng Chi cục từ 15 đơn vị trở lên	Các Cục có số lượng Chi cục từ 10 đến dưới 15 đơn vị	Các Cục có số lượng Chi cục dưới 15 đơn vị	Tất cả các Chi cục
1	Hội trường trên 100 chỗ	m2	200	150	100	Kết hợp với Phòng thường trực Ban chỉ đạo THA

(*): Tổng cộng số lượng vụ việc của Cục và các Chi cục Thi hành án dân sự thuộc quyền quản lý





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 4: Định mức tiêu chuẩn diện tích khác
(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp Cục	Cấp Chi Cục	Ghi chú
1. Định mức tiêu chuẩn các diện tích khác:					
1.1	Cầu thang, nhà để xe.	Theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành			
1.2	Nhà bảo vệ	m2	20	15	
1.3	Nhà để xe ô tô	m2	Theo TCXDVN hiện hành với số lượng xe được trang cấp		
1.4	Sân, đường nội bộ nhà làm việc	Tùy theo diện tích đất được cấp có phương án thiết kế sân, đường nội bộ cho phù hợp			
2. Diện tích chiếm chỗ của kết cấu:					
	Tỷ lệ diện tích chiếm chỗ của kết cấu so với tổng diện tích sàn (theo giải pháp kiến trúc và kết cấu chịu lực chính của từng công trình)	%	10 - 15 (%)		



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 5: Định mức tiêu chuẩn diện tích xây dựng kho vật chứng và sân bãi
(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2020)

Nhóm đơn vị		Kho vật chứng					Sân bãi (m ²)
		Tổng diện tích (m ²)	Cơ cấu diện tích				
			Diện tích phòng làm việc (m ²)	Diện tích kho kín bảo quản vật chứng đặc biệt (m ²)	Diện tích kho kín bảo quản vật chứng kích thước vừa (m ²)	Diện tích kho hở để vật chứng công kênh (m ²)	
Cơ quan THADS cấp Cục	Các Cục có số lượng tang vật chứng nhiều, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ lớn	450-550	20	60-80	200-250	150-200	250-300
	Các Cục có số lượng tang vật chứng trung bình, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ trung bình	300-450	20	40-60	150-200	100-150	200-250
	Các Cục có số lượng tang vật chứng ít, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ nhỏ	250-300	20	20-40	100-150	80-100	150-200
Cơ quan THADS cấp Chi Cục	Các Chi cục có số lượng tang vật chứng nhiều, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ lớn	450-500	20	40-60	150-200	200-250	200-250
	Các Chi cục có số lượng tang vật chứng vừa, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ vừa	300-350	20	20-40	100-150	100-150	150-200
	Các Chi cục có số lượng tang vật chứng ít, diện tích lưu trữ, bảo quản vật chứng thu giữ nhỏ	200-250	20	20	80-100	80-100	100-120